

Bản án số: 83/2024/DS-ST

Ngày 30 - 9 - 2024

V/v: Tranh chấp về chia tài sản chung,
chia thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp chia thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-DS ngày 08/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2024/QĐST-DS ngày 30/8/2024; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 19/TB-TA ngày 19/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Đỗ Viết S, sinh năm 1964 (văn bản uỷ quyền ngày 17/5/2024); Nơi cư trú: TDP H, thị trấn B, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Tú U, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

5. Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do ông Phạm Văn T, Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật. Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do ông Lương Văn B, phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lạng Giang đại diện theo uỷ quyền (Quyết định số 16286/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện). Địa chỉ: TDP T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, do ông Đỗ Viết S đại diện theo uỷ quyền trình bày:* Bà có bố là cụ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1911 (chết ngày 08/4/1989), mẹ là cụ Vũ Thị C, sinh năm 1922 (chết ngày 14/7/2021). Bố mẹ bà sinh được 06 người con gồm: Ông Nguyễn Ngọc S1, sinh năm 1949 (liệt sỹ hy sinh trong kháng chiến chống mỹ cứu nước); bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963 và bà là Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. Ngoài ra không có người con nuôi nào.

Di sản của bố mẹ bà để lại là thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, diện tích 314,8m², mục đích sử dụng: Đất thổ cư. Được Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 303162, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00027/QSDđ/QĐQĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ bà Vũ Thị C. Cùng tài sản trên đất hiện do bà đang quản lý.

Năm 1989 bố bà chết không để lại di chúc, khi đó thửa đất của gia đình bà chưa được đăng ký quyền sử dụng đất. Các con của bố mẹ bà đã lấy chồng ở riêng, chỉ còn mẹ bà và bà quản lý sử dụng thửa đất. Năm 1995 thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1995 hộ gia đình bà có hai người là cụ Vũ Thị C và bà. Năm 2004 cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên.

Năm 2021 mẹ bà chết, trước khi chết mẹ bà đã lập di chúc để lại và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng bản di chúc cho bà quản lý.

Tuy nhiên bản di chúc của mẹ bà để lại không hợp lệ, vì không ghi rõ cụ thể thửa đất để lại trong di chúc là thửa đất số 285 để chia thừa kế theo di chúc. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì hộ sử dụng đất của cụ C gồm có cụ C và bà. Nên cụ C chỉ được sử dụng và sở hữu ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất. Còn ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà, thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà. Vì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có cả công sức của bà và cụ C làm nên. Do vậy bà đề nghị Toà án xác định phân di sản của cụ C để lại, sau đó chia thừa kế di sản của cụ C theo pháp luật. Bản thân bà không có chỗ ở nào khác vì vậy bà yêu cầu chia cho bà bằng hiện vật, bà xin được sử dụng đất và sở hữu các tài sản gắn liền với đất. Bà sẽ có trách nhiệm trích chia trả kỹ phần di sản thừa kế của cụ C cho bà T1, bà T2, bà H, bà N bằng tiền.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Bà có bố là cụ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1911 (chết ngày 08/4/1989), mẹ là cụ Vũ Thị C, sinh năm 1922 (chết ngày 14/7/2021). Bố mẹ bà sinh được 06 người con gồm: Ông Nguyễn Ngọc S1, sinh năm 1949 (liệt sỹ hy sinh trong kháng chiến chống mỹ cứu nước); bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963 và bà là Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. Ngoài ra không có người con nuôi nào.

Bố mẹ bà có thửa đất, diễn biến quá trình sử dụng đến nay như bà T trình bày là đúng. Nhà ở và các công trình trên đất là của cụ C làm bằng nguồn tiền nhà nước hỗ trợ, bà T cũng đóng góp một phần làm các công trình phụ.

Ngày 27/9/2012 cụ C có nhờ chồng bà (ông Nguyễn Văn S2 chết ngày 17/4/2015 AL) viết hộ bản thảo di chúc, khi chồng bà viết xong, cụ C nhờ chồng bà ký vào bản thảo, nên chồng bà có ký và viết chữ “Vũ Thị C” ở phần cuối bản thảo di chúc, hiện bản thảo di chúc này bà đang quản lý.

Nay bà T khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ C để lại như trên bà không đồng ý. Quan điểm của bà là vẫn giữ nguyên di sản là nhà, đất của cụ C để làm nơi thờ cúng liệt sỹ và thờ cùng bố mẹ bà đời này sang đời khác.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. *Bà Nguyễn Thị T2 trình bày:* Bà đồng ý với lời khai của bà T, bà T1 khai về lai lịch gia đình bố, mẹ, anh, chị, em ruột và nguồn gốc thửa đất cùng tài sản gắn liền với đất, diễn biến quá trình sử dụng đất đến nay.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì hộ sử dụng đất của cụ C gồm có cụ C và bà T. Nên cụ C chỉ được sử dụng và sở hữu ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất. Còn ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà T, thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà T. Vì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có cả công sức của bà T và cụ C làm nên. Do vậy bà đề nghị Toà án xác định phần di sản của cụ C để lại, sau đó chia thừa kế di sản của cụ C theo pháp luật. Bản thân bà đã có chỗ ở, còn bà T không có chỗ ở nào khác vì vậy bà đề nghị chia cho bà T bằng hiện vật, chia cho bà T được sử dụng đất và sở hữu các tài sản gắn liền với đất. Bà T có trách nhiệm trích chia trả kỹ phần di sản thừa kế của cụ C cho bà T1, bà T2, bà H, bà N bằng tiền.

2. *Bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà đồng ý với lời khai của bà T, bà T1 khai về lai lịch gia đình bố, mẹ, anh, chị, em ruột và nguồn gốc thửa đất cùng tài sản gắn liền với đất, diễn biến quá trình sử dụng đất đến nay.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì hộ sử dụng đất của cụ C gồm có cụ C và bà T. Nên cụ C chỉ được sử dụng và sở hữu ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất. Còn ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà T, thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà T. Vì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có cả công sức của bà T và cụ C làm nên. Do vậy bà đề nghị Toà án xác định phần di sản của cụ C để lại, sau đó chia thừa kế di sản của cụ C theo pháp luật. Bản thân bà đã có chỗ ở, còn bà T không có chỗ ở nào khác vì vậy bà đề nghị chia cho bà T bằng hiện vật, chia cho bà T được sử dụng đất và sở hữu các tài sản gắn liền với đất. Bà T có trách nhiệm trích chia trả kỹ phần di sản thừa kế của cụ C cho bà T1, bà T2, bà H, bà N bằng tiền.

3. Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà đồng ý với lời khai của bà T, bà T1 khai về lai lịch gia đình bố, mẹ, anh, chị, em ruột và nguồn gốc thửa đất cùng tài sản gắn liền với đất, diễn biến quá trình sử dụng đất đến nay.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì hộ sử dụng đất của cụ C gồm có cụ C và bà T. Nên cụ C chỉ được sử dụng và sở hữu $\frac{1}{2}$ thửa đất và tài sản gắn liền với đất. Còn $\frac{1}{2}$ thửa đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà T, thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà T. Vì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có cả công sức của bà T và cụ C làm nên. Do vậy bà đề nghị Toà án xác định phần di sản của cụ C để lại, sau đó chia thừa kế di sản của cụ C theo pháp luật. Bản thân bà đã có chỗ ở, còn bà T không có chỗ ở nào khác vì vậy bà đề nghị chia cho bà T bằng hiện vật, chia cho bà T được sử dụng đất và sở hữu các tài sản gắn liền với đất. Bà T có trách nhiệm trích chia trả kỹ phần di sản thừa kế của cụ C cho bà T1, bà T2, bà H, bà N bằng tiền.

4. Chị Nguyễn Thị Tú U trình bày: Chị là con bà Nguyễn Thị T. Bà T đang khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, diện tích 314,8m², mục đích sử dụng: Đất thổ cư. Được Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 303162, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00027/QSDđ/QĐQĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ bà Vũ Thị C. Về nguồn gốc thửa đất là được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, khi đó hộ sử dụng đất của cụ C gồm có cụ C và bà T. Chị không có công sức gì đóng góp vào việc tôn tạo thửa đất và phát triển tài sản gắn liền với đất, mà công sức chủ yếu là của cụ C và mẹ chị làm nên. Chị đề nghị phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do ông Phạm Văn T, Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật trình bày: Theo bản đồ đo đạc năm 1993 hộ bà Vũ Thị C sử dụng là thửa đất số 631, tờ bản đồ số 18, diện tích 282 m², đến ngày 20/8/1995 hộ bà Vũ Thị C được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ bà Vũ Thị C cụ thể tại thửa đất số 631, tờ bản đồ số 18, diện tích 282 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Năm 2003 thực hiện đề án đo đạc bản đồ địa chính xã X hộ bà Vũ Thị C (là mẹ đẻ của bà T, bà T1) được UBND huyện Lạng Giang cấp đổi lại GCNQSD đất ngày 24/8/2004 cho hộ bà Vũ Thị C cụ thể tại thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, diện tích 314,8 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Việc cấp GCNQSD đất cho hộ bà Vũ Thị C là đảm bảo đúng quy định pháp Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Từ khi được cấp đổi GCN hộ bà Chi sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. UBND xã không nhận được đơn thư, khiếu nại gì có liên quan đến việc cấp GCNQSD đất và việc tranh chấp đất của hộ bà C với các hộ giáp ranh, liền kề.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/7/2024, Toà án có tổ chức đo đạc thẩm định tại chỗ đối với thửa đất tranh chấp. Kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất có diện tích là 311,4m² (ít hơn diện tích được cấp GCN là 3,4m²). Kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ bà C (Nay bà T đang quản lý và sử dụng), cho thấy: Hiện trạng các ranh giới, mốc giới thửa đất rõ ràng, ổn định, được xây dựng bằng các công trình kiên cố và tường bao ngăn cách

xung quanh đất. Do vậy diện tích đo đạc hiện trạng là 311,4m² (ít hơn diện tích được cấp GCN là 3,4m²) có thể xác định là do sai số đo đạc qua các lần đo.

Quan điểm của UBND xã X: Năm 2004, UBND huyện đã cấp đổi GCNQSD đất cho hộ bà Vũ Thị C (là mẹ đẻ của bà T, bà T1) đối với thửa đất 285, tờ bản đồ số 8, diện tích 314,8m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn là đúng quy định pháp luật. Sau khi được cấp đổi GCN cho hộ bà C đến nay, UBND xã không nhận được đơn thư, khiếu nại gì có liên quan đến việc cấp GCNQSD đất hay việc tranh chấp đất của hộ bà C với các hộ giáp ranh, liền kề. Năm 2021, bà Vũ Thị C chết, nay bà Nguyễn Thị T là con đẻ của bà C khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện phân chia di sản thừa kế của bà C để lại. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện xem xét giải quyết vụ việc theo đúng quy định pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do ông Lương Văn B, phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lạng Giang đại diện theo uỷ quyền trình bày: Về nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng thửa đất: Theo hồ sơ địa chính xã X lập năm 2004 có thể hiện: Hộ bà Vũ Thị C (mẹ đẻ của bà T, bà T1) quản lý và sử dụng thửa đất 285, tờ bản đồ số 8, diện tích 314,8m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, tại thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Ngày 24/8/2004, UBND huyện Lạng Giang đã cấp GCNQSD đất cho hộ bà Vũ Thị C đối với thửa đất nêu trên. Việc cấp GCNQSD đất cho hộ bà Vũ Thị C là đảm bảo đúng quy định pháp Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi được cấp GCN hộ bà C sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. UBND huyện không nhận được đơn thư, khiếu nại gì có liên quan đến việc cấp GCNQSD đất và việc tranh chấp đất của hộ bà C với các hộ giáp ranh, liền kề.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/7/2024, Toà án có tổ chức đo đạc thẩm định tại chỗ đối với thửa đất tranh chấp. Kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất có diện tích là 311,4m² (ít hơn diện tích được cấp GCN là 3,4m²). Kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ bà C (Nay bà T đang quản lý và sử dụng), cho thấy: Hiện trạng các ranh giới, mốc giới thửa đất rõ ràng, ổn định, được xây dựng bằng các công trình kiên cố và tường bao ngăn cách xung quanh đất. Do vậy diện tích đo đạc hiện trạng là 311,4m² (ít hơn diện tích được cấp GCN là 3,4m²) có thể xác định là do sai số đo đạc qua các lần đo.

Quan điểm của UBND huyện: Năm 2004, UBND huyện đã cấp GCNQSD đất cho hộ bà Vũ Thị C (là mẹ đẻ của bà T, bà T1) đối với thửa đất 285, tờ bản đồ số 8, diện tích 314,8m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn là đúng quy định pháp luật. Từ sau khi được cấp GCN cho hộ bà C đến nay, UBND huyện không nhận được đơn thư, khiếu nại gì có liên quan đến việc cấp GCNQSD đất hay việc tranh chấp đất của hộ bà C với các hộ giáp ranh, liền kề. Năm 2021, bà Vũ Thị C chết, nay bà Nguyễn Thị T là con đẻ của bà C khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện phân chia di sản thừa kế của bà C để lại. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện xem xét giải quyết vụ việc theo đúng quy định pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Nguyễn Thị T, do ông Đỗ Viết S đại diện theo uỷ quyền vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và xin chịu cả tiền chi phí tố tụng. Bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Tú U đều vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, do ông Phạm Văn T, Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Lương Văn B, phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lạng Giang đại diện theo uỷ quyền đều vắng mặt, đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà T, do ông S đại diện theo uỷ quyền vắng mặt. Bà T1, bà T2, bà H, bà N, chị U đều vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, do ông Phạm Văn T, Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật. Uỷ ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do ông Lương Văn B, phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lạng Giang đại diện theo uỷ quyền đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 212, 213, 219, 357, 610, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Xác định thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là 305,8m², theo hình ABCDEFGHK, địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 303162, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00027/QSDđ/QĐQĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ bà Vũ Thị C, cùng tài khác sản gắn liền với đất, tổng trị giá 697.187.700đ (sáu trăm chín bảy triệu một trăm tám bảy nghìn bảy trăm đồng) là tài sản chung của bà Nguyễn Thị T và di sản thừa kế của cụ Vũ Thị C để lại.

Chia cho bà Nguyễn Thị T được sử dụng tài sản chung và di sản thừa kế của cụ Vũ Thị C để lại là thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là 305,8m², theo hình ABCDEFGHK, địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 303162, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00027/QSDđ/QĐQĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ bà Vũ Thị C, cùng sở hữu tài khác sản gắn liền với đất, tổng trị giá 697.187.700đ (sáu trăm chín bảy triệu một trăm tám bảy nghìn bảy trăm đồng). Bà Nguyễn Thị T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là tài sản chung và được hưởng thừa kế nêu trên theo pháp luật. (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trích chia trả phần di sản thừa kế của cụ C cho bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, mỗi người được hưởng một suất thừa kế bằng nhau trị giá bằng tiền là 69.719.000đ (Sáu chín triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng).

Tạm giao bà Nguyễn Thị T quản lý phần di sản thừa kế của cụ C chia cho bà Nguyễn Thị T1 là 69.719.000đ (Sáu chín triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng). Khi nào bà T1

có đơn yêu cầu Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền chi phí tố tụng, tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T, khởi kiện về chia tài sản chung, chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T1, nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Tài sản chung và di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của cụ C để lại tại thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế, phạm vi khởi kiện là chia tài sản chung, chia di sản thừa kế theo pháp luật, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 623, 688 Bộ luật Dân sự.

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay bà T, do ông S đại diện theo uỷ quyền vắng mặt. Bà T1, bà T2, bà H, bà N, chị U đều vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, do ông Phạm Văn T, Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật. Uỷ ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do ông Lương Văn B, phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lạng Giang đại diện theo uỷ quyền đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T đề nghị Toà án chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ và chia di sản thừa kế theo pháp luật là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, diện tích 314,8m², mục đích sử dụng: Đất thổ cư. Được Uỷ ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 303162, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00027/QSDđ/QĐQĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ bà Vũ Thị C.

[3] Về nguồn gốc thửa đất và tài sản gắn liền với đất: Gia đình cụ T3, cụ C trước đây ăn ở, sinh sống tại thôn S, xã B, huyện Yên Thế. Khoảng năm 1969 cụ T3, cụ C xin được của cụ B thửa đất tại thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, sau đó hai cụ xây dựng nhà, năm 1970 hai cụ đưa cả gia đình về đây ở. Năm 1989 cụ T3 chết, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó các con của cụ T3, cụ C là bà T1, bà T2, bà H, bà N đều đã xây dựng gia đình và ở riêng, chỉ còn bà T ăn ở sinh sống cùng cụ C trên thửa đất này. Từ khi có chính sách quản lý đất đai của nhà nước, thì diện tích đất này của cụ C được đo đạc là theo bản đồ năm 1993 là thửa đất số 631, tờ bản đồ số 18, diện tích 282m², ngày 20/8/1995 hộ bà Vũ Thị C được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ bà Vũ Thị C. Năm 2003 thực hiện đề án đo

đạc bản đồ địa chính xã X thửa đất hộ bà Vũ Thị C được đạc là thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, diện tích 314,8m², được UBND huyện Lạng Giang cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể: Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, diện tích 314,8m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn. Được Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 303162, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00027/QSDđ/QĐQĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ bà Vũ Thị C. Như vậy xác định được nguồn gốc thửa đất này là của cụ T3 và cụ C xin được của người khác để sử dụng, nhưng cụ T3 đã chết từ năm 1989 khi chưa có chính sách của nhà nước về quản lý đất đai, giao quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình sử dụng. Tại thời điểm nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thì cụ T3 đã chết, đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ T3, từ đó chỉ còn cụ C và bà T là người quản lý di sản. Tại Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó*”. Như vậy đương nhiên cụ C và bà T là người có quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất.

[3.1] Khi cụ C chết không để lại di chúc về việc phân chia quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất. Hiện trên thửa đất của hộ cụ C có 01 ngôi nhà bép xây dựng năm 1995; 01 nhà ở cấp bốn xây dựng năm 2015; mái tôn làm năm 2015; sân gạch lát năm 2015; 01 nhà vệ sinh xây dựng năm 2015; 01 nhà tạm dùng làm kho chứa đồ xây năm 1995; 01 nhà chăn nuôi xây năm 1995; cánh cổng sắt làm năm 2015; trụ cổng xây gạch năm 2015; tường xây trụ cổng năm 1995; 02 cây nhãn đường kính tán từ 05 đến 06m; 01 cây ổi đường kính gốc từ 12 đến 15cm; 01 cây mít đường kính gốc từ 07 đến 09cm. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất trình bày, về nguồn gốc thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, diện tích 314,8m² nêu trên tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì hộ sử dụng đất của cụ C gồm có cụ C và bà T. Nên cụ C chỉ được sử dụng và sở hữu ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất. Còn ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà T, thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà T. Nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Lời khai của các đương sự phù hợp với tài liệu theo dõi quản lý đất đai của địa phương cung cấp, nguồn gốc thửa đất của cụ C được nhà nước giao theo đúng quy định của luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ C sử dụng đất ổn định, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước đầy đủ, không có tranh chấp với các hộ giáp ranh, liền kề. Do đó, có căn cứ xác định bà T được sử dụng, sở hữu ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất, còn cụ C được sử dụng, sở hữu ½ thửa đất và tài sản gắn liền với đất. Đây là di sản thừa kế của cụ C để lại được chia theo pháp luật.

[3.2] Cụ C là mẹ liệt sỹ Nguyễn Ngọc S1, được hưởng trợ cấp tuất liệt sỹ hàng tháng tại thời điểm trước khi chết là 2.923.000đ/tháng. Khi cụ C chết ngày 14/7/2021, đã được nhà nước trợ cấp một lần 8.769.000đ và tiền trợ cấp mai táng phí 14.900.000đ, gia đình đã giải quyết xong mọi vấn đề sau mai táng, không có tranh chấp gì. Ngoài ra cụ C không có khoản nghĩa vụ nào phải thanh toán. Khi xây dựng ngôi nhà ở cấp bốn năm 2015 đã được nhà nước hỗ trợ một phần tiền xây dựng là 40.000.000đ, phần còn lại là của bà T

đóng góp. Việc xây dựng các công trình khác trên đất đều có công sức đóng góp của của bà T. Do vậy xác định cụ C được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất. Đây được xác định là di sản thừa kế của cụ C để lại.

[4] Về bản di chúc của cụ C không ghi ngày, tháng, được ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Á là người cùng thôn ký và ông Đào Xuân T trưởng thôn xác nhận ngày 18/7/2012: Nội dung bản di chúc có ghi bàn giao lại nhà cửa, ruộng nương cùng dụng cụ sinh hoạt, kể cả bằng tờ quốc ghi công cùng tất cả các giấy tờ liên quan đến liệt sỹ Nguyễn Ngọc S1 cho bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên di chúc không ghi rõ tài sản đó nằm trên thửa đất nào, ở đâu. Do vậy thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, diện tích 314,8m² nêu trên, cùng tài sản gắn liền với đất của cụ C vẫn chưa được định đoạt. Các đương sự đều cũng đều xác định di chúc này không lệ và đều đề nghị chia theo pháp luật. Do vậy việc chia di sản thừa kế của cụ C theo pháp luật là có căn cứ. Xét là phù hợp Điều 649 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về hàng thừa kế: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình điều tra xác minh, xác định được vợ chồng cụ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1911 (chết ngày 08/4/1989), cụ Vũ Thị C, sinh năm 1922 (chết ngày 14/7/2021), sinh được 06 người con gồm: Ông Nguyễn Ngọc S1, sinh năm 1949 (liệt sỹ hy sinh trong kháng chiến chống mỹ cứu nước); bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. Ngoài ra không có người con nuôi nào. Ông Nguyễn Ngọc S1, sinh năm 1949 (liệt sỹ hy sinh trong kháng chiến chống mỹ cứu nước) khi chưa có vợ, con, nên ông S1 không được hưởng di sản thừa kế của cụ C. Xác định những người ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ C được hưởng kỹ phần di sản thừa kế bằng nhau là bà T1, bà T2, bà H, bà N và bà T (năm suất), xét là phù hợp Điều 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Tại kết quả đo vẽ sơ đồ và chồng ghép sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 24/7/2024 với bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy. Hiện trạng thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8 của cụ C có diện tích 311,4m², ít hơn so với giấy chứng nhận là 3,4m², ($314,8m^2 - 311,4m^2 = 3,4m^2$), nguyên nhân là do sai số đo đạc qua các lần đo. Hiện trạng các ranh giới, mốc giới thửa đất rõ ràng, ổn định, được xây dựng bằng các công trình kiên cố và tường bao ngăn cách xung quanh đất. Tuy nhiên quá trình sử dụng đất gia đình cụ C đã xây tường bao thụt vào để dành đất cho đường thôn diện tích là 5,6m². Nên diện tích thực tế sử dụng còn là 305,8m². Nên cần xác định diện tích đất theo hiện trạng thực tế đo đạc là 305,8m² làm căn cứ để phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

[7] Tại kết quả định giá tài sản ngày 24/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự UBND huyện Lạng Giang xác định: Thửa đất số 285 tờ bản đồ số 8 nêu trên, có giá 2.000.000đ/m², trị giá theo diện tích thực tế (305,8m²) là 611.600.000đ. Trên đất có 01 ngôi nhà bếp xây dựng năm 1995 trị giá 380.700đ; 01 nhà ở cấp bốn xây dựng năm 2015 trị giá 65.008.000đ; mái tôn làm năm 2015 trị giá 1.106.600đ; sân gạch lát năm 2015 trị giá 2.721.000đ; 01 nhà vệ sinh xây dựng năm 2015 trị giá 4.252.000đ; 01 nhà tạm dùng làm kho chứa đồ xây năm 1995 trị giá 1.635.000đ; 01 nhà chăn nuôi xây năm 1995 trị giá 2.860.000đ; cánh cổng sắt làm năm 2015 trị giá 805.600đ; trụ cổng xây gạch năm 2015 trị giá 237.600đ; tường xây trụ cổng năm 1995 trị giá 1.734.200đ; 02 cây nhãn

đường kính tán từ 05 đến 06m tổng trị giá 3.580.000đ; 01 cây ổi đường kính gốc từ 12 đến 15cm trị giá 895.000đ; 01 cây mít đường kính gốc từ 07 đến 09cm trị giá 372.000đ. Tổng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 611.600.000đ + 85.587.700đ = 697.187.700đ. Bà T được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá là 348.593.850đ. Cụ C được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá là 348.593.850đ, đây là trị giá di sản của cụ C để lại.

[8] Về yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế: Tài sản chung của bà T được chia là $\frac{1}{2}$ diện tích đất ở nông thôn và tài sản gắn liền với đất theo hiện trạng thực tế ($305,8m^2$) trị giá là 348.593.850đ ($697.187.700đ : 2 = 348.593.850đ$). Di sản thừa kế của cụ C là $\frac{1}{2}$ diện tích đất ở nông thôn và tài sản gắn liền với đất của cụ C để lại theo hiện trạng thực tế ($305,8m^2$) trị giá 348.593.850đ ($697.187.700đ : 2 = 348.593.850đ$) được chia theo pháp luật cho 05 suất gồm 05 người con của cụ C là bà T1, bà T2, bà H, bà N và bà T. Tuy nhiên bà T1 không nhận di sản của cụ C nên phần di sản bà T1 được hưởng sẽ tạm giao cho bà T quản lý, sau này nếu các bên có xảy ra tranh chấp Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà T2, bà H, bà N đều xin được nhận kỷ phần được hưởng di sản bằng tiền và đều đề nghị giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà T. Để tạo điều kiện cho bà T là người đang quản lý, sử dụng và đã xây dựng các công trình kiên cố trên đất từ lâu, bà T đang hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sỹ theo Quyết định số 2444/QĐ-LĐTB&XH ngày 29/7/2021 của Sở lao động Thương binh và xã hội tỉnh Bắc Giang, hiện bà T đang thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Ngọc S1 và thờ cúng cụ T3 và cụ C, bà T không còn nơi ở nào khác. Nên cần giao cho bà T tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất, để tiện cho việc sở hữu, sử dụng tài sản khác trên đất, tránh việc sáo trộn, gây khó khăn trong việc quản lý, sử dụng lâu dài. Kỷ phần thừa kế của bà T1, bà T2, bà H, bà N được hưởng sẽ được trích chia trả bằng tiền, đảm bảo những người cùng hàng thừa kế được hưởng kỷ phần di sản bằng nhau. Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng trị giá 69.719.000đ. Xét là phù hợp khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Về chia tài sản chung và chia di sản cụ thể: Chia cho bà T được hưởng tài sản chung và di sản thừa kế của cụ C để lại là thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là $305,8m^2$, theo hình ABCDEFGHK, địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 303162, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00027/QSDđ/QĐQĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ bà Vũ Thị C, cùng tài khác sản gắn liền với đất, tổng trị giá 697.187.700đ (sáu trăm chín bảy triệu một trăm tám bảy nghìn bảy trăm đồng). Bà T phải có trách nhiệm trích chia trả kỷ phần di sản thừa kế của cụ C cho bà T1, bà T2, bà H, bà N, mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế bằng nhau trị giá bằng tiền là 69.719.000đ (Sáu chín triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng). Do bà T1 không nhận di sản thừa kế, nên tạm giao bà T quản lý kỷ phần di sản thừa kế của bà T1. Bà T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được hưởng thừa kế nêu trên theo pháp luật. (có sơ đồ kèm theo).

[10] Về tiền chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà T đã nộp 3.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản và 9.800.000đ tiền chi phí đo vẽ sơ đồ bằng máy kỹ thuật số. Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Lạng Giang và đơn vị đo vẽ sơ đồ bằng máy kỹ thuật

số đã chi phí hết. Nay bà T xin chịu cả tiền chi phí tố tụng, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Những người được hưởng di sản phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Do bà T1 không nhận di sản thừa kế, nên tạm giao bà T quản lý kỹ phần di sản thừa kế của bà T1, nên bà T1 không phải chịu tiền án phí. Bà T2, bà H, bà N đều là những người cao tuổi, nên cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà T2, bà H, bà N. Bà T là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, nên cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

[12] Xét thấy, phát biểu quan điểm, đường lối xử lý vụ án này của Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đưa ra tại phiên toà hôm nay, là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[13] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 212, 213, 219, 357, 610, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Xác định thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là 305,8m², theo hình ABCDEFGHK, địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 303162, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00027/QSDđ/QĐQĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ bà Vũ Thị C, cùng tài khác sản gắn liền với đất, tổng trị giá 697.187.700đ (sáu trăm chín bảy triệu một trăm tám bảy nghìn bảy trăm đồng) là tài sản chung của bà Nguyễn Thị T và di sản thừa kế của cụ Vũ Thị C để lại.

Chia cho bà Nguyễn Thị T được sử dụng tài sản chung và di sản thừa kế của cụ Vũ Thị C để lại là thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là 305,8m², theo hình ABCDEFGHK, địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 303162, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00027/QSDđ/QĐQĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ bà Vũ Thị C, cùng sở hữu tài khác sản gắn liền với đất, tổng trị giá 697.187.700đ (sáu trăm chín bảy triệu một trăm tám bảy nghìn bảy trăm đồng). Bà Nguyễn Thị T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là tài sản chung và được hưởng thừa kế nêu trên theo pháp luật. (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trích chia trả phần di sản thừa kế của cụ C cho bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, mỗi người

được hưởng một suất thừa kế bằng nhau trị giá bằng tiền là 69.719.000đ (Sáu chín triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng).

Tạm giao bà Nguyễn Thị T quản lý phần di sản thừa kế của cụ C chia cho bà Nguyễn Thị T1 là 69.719.000đ (Sáu chín triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng). Khi nào bà T1 có đơn yêu cầu Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang.
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi